

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 25

Môn: Phần C.III - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Ngày thi: 29/9/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Mã Thị An	7,75	Bảy phẩy bảy năm	32	Phương Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm
2	Vũ Văn Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	33	Đình Thị Lệ	7,00	Bảy
3	Nguyễn Triệu Ngọc Ánh	7,50	Bảy phẩy năm	34	Hoàng Hải Long	6,50	Sáu phẩy năm
4	Đình Long Bồi	7,00	Bảy	35	Ngô Kiều Lượng	6,50	Sáu phẩy năm
5	Sầm Đức Chính	8,00	Tám	36	Nguyễn Thị Ly	8,00	Tám
6	Nguyễn Đăng Chính	6,50	Sáu phẩy năm	37	Đỗ Hoàng Mai	6,50	Sáu phẩy năm
7	Bế Văn Cường	7,00	Bảy	38	Lương Thế Minh	7,00	Bảy
8	Triệu Văn Cường	7,00	Bảy	39	Ngô Thị Mười	7,50	Bảy phẩy năm
9	Đàm Đình Diệm	7,00	Bảy	40	Nông Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Nguyễn Thị Diệp	8,00	Tám	41	Nguyễn Thị Nguyệt	8,00	Tám
11	Đặng Thị Dịu	8,00	Tám	42	Nguyễn Hà Nhân	8,00	Tám
12	Hoàng Văn Dũng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nông Thị Nhớ	8,00	Tám
13	Đình Ba Duy	8,00	Tám	44	Nông Thị Như	8,00	Tám
14	Long Thị Hồng Gấm	8,00	Tám	45	Vi Thị Phương Nhung	8,00	Tám
15	Nguyễn Thị Gấm	7,50	Bảy phẩy năm	46	Nông Thị Nụ	8,25	Tám phẩy hai năm
16	Bế Ích Giang	7,50	Bảy phẩy năm	47	Hoàng Thị Quê	8,25	Tám phẩy hai năm
17	Nguyễn Thị Hà	7,50	Bảy phẩy năm	48	Nguyễn Vương Quyền	8,00	Tám
18	Hứa Thị Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Mã Thị Sa	8,00	Tám
19	Trần Thanh Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	50	Nông Thị Sen	8,00	Tám
20	Nông Hồng Hạnh	8,00	Tám	51	Hoàng Duy Thắng	7,00	Bảy
21	Đặng Thị Hiền	8,00	Tám	52	Đình Xuân Thành	7,50	Bảy phẩy năm
22	Tô Thị Thu Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Nông Tiến Thành	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Lương Thị Hiệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	54	Hoàng Đức Thịnh	7,50	Bảy phẩy năm
24	Hoàng Trung Hòa	7,25	Bảy phẩy hai năm	55	Nông Thị Thanh Thủy		<b>Thôi học</b>
25	Hà Thị Thu Hồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Nông Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Đàm Thị Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	57	Phạm Thị Huyền Trang	8,00	Tám
27	Hoàng Thị Hồng Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	58	Long Thị Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Đặng Thị Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Đàm Trọng Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
29	Nguyễn Mạnh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	60	Đàm Thị Tuyên	8,00	Tám
30	Nguyễn Đức Huy	7,50	Bảy phẩy năm	61	Hoàng Bá Tuynh	8,00	Tám
31	Phan Văn Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	62	Hoàng Thị Tố Uyên	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 15 điểm; Điểm 7,75: 06 điểm; Điểm 8,00: 20 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**





**Nguyễn Thu Hằng**

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**